

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 7
Năm học 2023-2024

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
1	Đỗ Nguyễn Hà An	x	6A2	7A2	TCTA	
2	Hồ Thiên An	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
3	Ngô Châu Thiên An	x	6A9	7A9	Cơ bản	
4	Nguyễn Hà Phúc An	x	6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
5	Nguyễn Lê Khánh An	x	6A3	7A3	TCTA	
6	Nguyễn Phúc Thiên An	x	6A8	7A8	TCTA	
7	Trần Thái Thiên An	x	6A10	7A10	Cơ bản	
8	Vũ Thiên An	x	6A11	7A11	Cơ bản	
9	Bùi Bảo Anh		6A3	7A3	TCTA	
10	Bùi Châu Anh	x	6A4	7A4	TCTA	
11	Bùi Nguyễn Quốc Anh		6A9	7A9	Cơ bản	
12	Bùi Nguyễn Việt Anh		6A2	7A2	TCTA	
13	Cao Võ Trâm Anh	x	6A8	7A8	TCTA	
14	Đặng Ngọc Phương Anh	x	6A12	7A12	Cơ bản	
15	Đỗ Diệp Anh	x	6A13	7A13	Cơ bản	
16	Hoàng Đức Anh		6A10	7A10	Cơ bản	
17	Hoàng Nguyễn Phương Anh	x	6A5	7A5	TCTA	
18	Hồ Hải Anh		6A11	7A11	Cơ bản	
19	Huỳnh Ngọc Phương Anh	x	6A13	7A13	Cơ bản	
20	Huỳnh Phương Anh	x	6A6	7A6	TCTA	
21	Lê Quang Anh		6A4	7A4	TCTA	
22	Lê Quỳnh Anh	x	6A7	7A8	TCTA	
23	Nguyễn Bảo Thiên Anh	x	6A1	7A1	Tích hợp	
24	Nguyễn Hoàng Anh	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
25	Nguyễn Hoàng Anh	x	6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
26	Nguyễn Hồng Anh	x	6A10	7A10	Cơ bản	
27	Nguyễn Huỳnh Anh	x	6A11	7A11	Cơ bản	
28	Nguyễn Huỳnh Anh		6A12	7A12	Cơ bản	
29	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	x	6A12	7A12	Cơ bản	
30	Nguyễn Nam Anh		6A5	7A5	TCTA	
31	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	x	6A13	7A13	Cơ bản	
32	Nguyễn Ngọc Vi Anh	x	6A2	7A2	TCTA	
33	Nguyễn Phúc Hoàng Anh	x	6A3	7A3	TCTA	
34	Nguyễn Quỳnh Anh	x	6A8	7A2	TCTA	
35	Nguyễn Quỳnh Anh	x	6A9	7A9	Cơ bản	
36	Nguyễn Thế Anh		6A6	7A6	TCTA	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
37	Nguyễn Thị Vân Anh	x	6A10	7A10	Cơ bản	
38	Phạm Diệu Anh	x	6A12	7A12	Cơ bản	
39	Phạm Hoàng Lâm Anh	x	6A11	7A11	Cơ bản	
40	Phạm Huỳnh Trâm Anh	x	6A12	7A12	Cơ bản	
41	Phan Diệu Anh	x	6A5	7A5	TCTA	
42	Phan Quỳnh Anh	x	6A6	7A6	TCTA	
43	Tạ Đình Phương Anh	x	6A7	7A7	TCTA	
44	Trần Duy Anh		6A13	7A13	Cơ bản	
45	Trần Duy Anh		6A7	7A7	TCTA	
46	Trần Hoàng Hà Anh	x	6A8	7A8	TCTA	
47	Trần Hoàng Quỳnh Anh	x	6A13	7A13	Cơ bản	
48	Trần Nguyễn Hoàng Anh		6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
49	Trần Quang Anh		6A2	7A2	TCTA	
50	Trần Quỳnh Anh	x	6A2	7A2	TCTA	
51	Trần Trúc Anh	x	6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
52	Triệu Phan Anh		6A8	7A8	TCTA	
53	Võ Duy Anh		6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
54	Vũ Trâm Anh	x	6A9	7A9	Cơ bản	
55	Vũ Trần Thảo Anh	x	6A10	7A10	Cơ bản	
56	Dương Nguyễn Ngọc Ánh	x	6A3	7A3	TCTA	
57	Lê Hồng Ánh	x	6A9	7A9	Cơ bản	
58	Mai Phương Ánh	x	6A12	7A12	Cơ bản	
59	Phạm Thị Hồng Ánh	x	6A4	7A4	TCTA	
60	Hà Khánh Thiên Ân		6A2	7A2	TCTA	
61	La Thiên Ân		6A3	7A3	TCTA	
62	Phạm Hoàng Ân	x	6A4	7A4	TCTA	
63	Bùi Võ Gia Bảo		6A9	7A9	Cơ bản	
64	Đặng Khắc Bảo		6A1	7A6	TCTA	
65	Đinh Phan Thế Bảo		6A10	7A10	Cơ bản	
66	Đỗ Thái Bảo		6A5	7A5	TCTA	
67	Giang Lê Gia Bảo		6A6	7A6	TCTA	
68	Hầu Phi Gia Bảo		6A7	7A7	TCTA	
69	Hoàng Hữu Gia Bảo		6A11	7A11	Cơ bản	
70	Lê Hoàng Bảo		6A8	7A8	TCTA	
71	Lê Hồng Anh Bảo		6A2	7A2	TCTA	
72	Nguyễn Gia Bảo		6A3	7A3	TCTA	
73	Nguyễn Hoàng Gia Bảo		6A12	7A12	Cơ bản	
74	Nguyễn Quốc Bảo		6A4	7A4	TCTA	
75	Phạm Lâm Gia Bảo		6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
76	Phạm Thiên Bảo		6A4	7A4	TCTA	
77	Trần Bảo		6A13	7A13	Cơ bản	
78	Võ Duy Bảo		6A3	7A3	TCTA	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
79	Nguyễn Xuân Bắc		6A5	7A5	TCTA	
80	Kulasabjira Minh Văn Bhuta		6A6	7A6	TCTA	
81	Phạm Nguyễn Ngọc Bích	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
82	Nguyễn Thị Thanh Bình	x	6A11	7A11	Cơ bản	
83	Hồ Phan Quốc Cường		6A9	7A9	Cơ bản	
84	Lê Phan Huy Cường		6A10	7A10	Cơ bản	
85	Phạm Phú Cường		6A7	7A7	TCTA	
86	Hoàng Bảo Châu	x	6A12	7A12	Cơ bản	
87	Lương Ngọc Mỹ Châu	x	6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
88	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	x	6A5	7A5	TCTA	
89	Nguyễn Nhật Minh Châu	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
90	Phạm Vũ Bảo Châu	x	6A13	7A13	Cơ bản	
91	Nguyễn Thái Diệp Chi	x	6A1	7A1	Tích hợp	
92	Nguyễn Thế Chung		6A8	7A8	TCTA	
93	Phan Bùi Ngọc Diệp	x	6A1	7A1	Tích hợp	
94	Nguyễn Thị Diệu	x	6A9	7A9	Cơ bản	
95	Phùng Thị Thúy Dung	x	6A7	7A7	TCTA	
96	Vũ Bùi Phương Dung	x	6A10	7A10	Cơ bản	
97	Lê Mạnh Dũng		6A2	7A2	TCTA	
98	Nguyễn Trí Dũng		6A11	7A11	Cơ bản	
99	Tô Tiến Dũng		6A3	7A3	TCTA	
100	Đỗ Phương Duy		6A4	7A4	TCTA	
101	Nguyễn Ngọc Anh Duy		6A1	7A1	Tích hợp	
102	Phan Kiến Duy		6A5	7A5	TCTA	
103	Trần Hoàng Duy		6A6	7A6	TCTA	
104	Vũ Hoàng Mỹ Duyên	x	6A12	7A12	Cơ bản	
105	Phạm Hoàng Quỳnh Dương	x	6A11	7A11	Cơ bản	
106	Phạm Khánh Dương	x	6A7	7A7	TCTA	
107	Phạm Sỹ Thái Dương		6A4	7A4	TCTA	
108	Trần Đăng Dương		6A12	7A12	Cơ bản	
109	Vũ Thùy Dương	x	6A2	7A2	TCTA	
110	Lê Quang Đại		6A8	7A8	TCTA	
111	Nguyễn Ngọc Linh Đan	x	6A13	7A13	Cơ bản	
112	Chu Hoàng Đạt		6A10	7A10	Cơ bản	
113	Đào Minh Đạt		6A2	7A2	TCTA	
114	Lê Quang Đạt		6A11	7A11	Cơ bản	
115	Nguyễn Thành Đạt		6A3	7A3	TCTA	
116	Nguyễn Vũ Minh Đạt		6A4	7A4	TCTA	
117	Phạm Nguyễn Tiến Đạt		6A13	7A13	Cơ bản	
118	Tạ Quang Đạt		6A12	7A12	Cơ bản	
119	Trần Minh Đạt		6A5	7A5	TCTA	
120	Trần Vũ Thành Đạt		6A6	7A6	TCTA	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
121	Hàng Petelov Khánh Đăng		6A13	7A13	Cơ bản	
122	Hồ Đăng		6A9	7A9	Cơ bản	
123	Nguyễn Huỳnh Nguyên Đán		6A7	7A7	TCTA	
124	Như Xuân Quỳnh Đoan	x	6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
125	Lê Minh Đức		6A8	7A8	TCTA	
126	Phạm Anh Đức		6A9	7A9	Cơ bản	
127	Trần Vũ Anh Đức		6A10	7A10	Cơ bản	
128	Nguyễn Hoàng Gia		6A11	7A11	Cơ bản	
129	Bùi Lê Hương Giang	x	6A4	7A4	TCTA	
130	Đỗ Hương Giang	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
131	Đỗ Lê Hương Giang	x	6A9	7A9	Cơ bản	
132	Lê Quỳnh Giang	x	6A10	7A10	Cơ bản	
133	Nguyễn Cao Quỳnh Giang	x	6A6	7A6	TCTA	
134	Văn Ngọc Hương Giang	x	6A7	7A7	TCTA	
135	Vũ Phạm Quỳnh Giang	x	6A1	7A1	Tích hợp	
136	Phan Nguyễn Khánh Hà	x	6A2	7A2	TCTA	
137	Phan Thị Thu Hà	x	6A11	7A11	Cơ bản	
138	Trần Trúc Kim Hà	x	6A3	7A3	TCTA	
139	Vũ Khánh Hà	x	6A12	7A12	Cơ bản	
140	Vũ Nguyên Hà	x	6A8	7A8	TCTA	
141	Lương Chí Hải		6A2	7A2	TCTA	
142	Ngô Duy Hải		6A13	7A7	TCTA	
143	Nguyễn Hoàng Hải		6A3	7A3	TCTA	
144	Lê Khắc Minh Hạnh	x	6A3	7A3	TCTA	
145	Trương Trí Hào		6A1	7A1	Tích hợp	
146	Nguyễn Ngọc Gia Hào		6A12	7A12	Cơ bản	
147	Châu Trần Gia Hân	x	6A4	7A4	TCTA	
148	Châu Vũ Gia Hân	x	6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
149	Đăng Bùi Gia Hân	x	6A13	7A13	Cơ bản	
150	Đinh Ngọc Gia Hân	x	6A5	7A5	TCTA	
151	Hồ Ngọc Gia Hân	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
152	Lê Nguyễn Bảo Hân	x	6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
153	Lê Phan Gia Hân	x	6A1	7A1	Tích hợp	
154	Lê Thị Ngọc Hân	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
155	Nguyễn Bảo Hân	x	6A4	7A4	TCTA	
156	Nguyễn Gia Hân	x	Chuyển đến	7A9	Cơ bản	
157	Nguyễn Quỳnh Gia Hân	x	6A3	7A3	TCTA	
158	Phạm Chiêu Hân	x	6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
159	Phạm Ngọc Gia Hân	x	6A7	7A7	TCTA	
160	Thiều Ngọc Hân	x	6A9	7A9	Cơ bản	
161	Trịnh Ngọc Bảo Hân	x	6A10	7A10	Cơ bản	
162	Trương Bảo Hân	x	6A1	7A1	Tích hợp	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
163	Vũ Khả Hân	x	6A11	7A11	Cơ bản	
164	Vũ Trần Bảo Hân	x	6A8	7A8	TCTA	
165	Hồ Ngọc Hiền	x	6A12	7A12	Cơ bản	
166	Lương Minh Hiếu		6A4	7A4	TCTA	
167	Trần Nguyễn Trung Hiếu		6A13	7A13	Cơ bản	
168	Trần Trí Hiếu		6A12	7A12	Cơ bản	
169	Lê Thanh Hòa	x	6A13	7A13	Cơ bản	
170	Dương Việt Hoàng		6A1	7A1	Tích hợp	
171	Lê Duy Hoàng		6A2	7A2	TCTA	
172	Nguyễn Huy Hoàng		6A1	7A1	Tích hợp	
173	Nguyễn Khánh Hoàng		6A1	7A1	Tích hợp	
174	Vũ Phạm Xuân Hoàng		6A9	7A9	Cơ bản	
175	Phí Minh Hồng	x	6A9	7A9	Cơ bản	
176	Nguyễn Anh Huân		6A6	7A6	TCTA	
177	Mai Trần Thanh Hùng		6A10	7A10	Cơ bản	
178	Nguyễn Minh Hùng		6A13	7A13	Cơ bản	
179	Chu Nguyễn Thanh Huy		6A6	7A6	TCTA	
180	Nguyễn Đăng Huy		6A11	7A11	Cơ bản	
181	Nguyễn Gia Huy		6A7	7A7	TCTA	
182	Nguyễn Minh Huy		6A12	7A12	Cơ bản	
183	Nguyễn Ngọc Huy		6A3	7A3	TCTA	
184	Phạm Gia Huy		6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
185	Phạm Lê Gia Huy		6A13	7A13	Cơ bản	
186	Phạm Nhật Huy		6A4	7A4	TCTA	
187	Phan Gia Huy		6A8	7A8	TCTA	
188	Tăng Nguyễn Khang Huy		6A9	7A9	Cơ bản	
189	Trần Gia Huy		6A2	7A2	TCTA	
190	Trịnh Gia Huy		6A3	7A3	TCTA	
191	Bùi Nguyễn Long Hưng		6A10	7A6	TCTA	
192	Đỗ Duy Hưng		6A4	7A4	TCTA	
193	Nguyễn Duy Hưng		6A5	7A5	TCTA	
194	Nguyễn Phúc Hưng		6A10	7A10	Cơ bản	
195	Phạm Gia Hưng		6A6	7A6	TCTA	
196	Phạm Gia Hưng		6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
197	Võ Đình Khánh Hưng		6A11	7A11	Cơ bản	
198	Nguyễn Đặng Quỳnh Hương	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
199	Nguyễn Lan Hương	x	6A1	7A1	Tích hợp	
200	Trần Ngọc Quỳnh Hương	x	6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
201	Nguyễn Trung Kiên		6A7	7A7	TCTA	
202	Lê Tuấn Kiệt		6A5	7A5	TCTA	
203	Nguyễn Huỳnh Thiên Kim	x	6A7	7A7	TCTA	
204	Nguyễn Tri Bảo Kim	x	Chuyển đến	7A8	TCTA	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
205	Trần Quang Khải		6A1	7A1	Tích hợp	
206	Đặng Phúc Khang		6A1	7A1	Tích hợp	
207	Đặng Tấn Khang		6A8	7A8	TCTA	
208	Đặng Thế Khang		6A2	7A2	TCTA	
209	Đỗ Trường Khang		6A3	7A3	TCTA	
210	Hoàng Minh Khang		6A6	7A6	TCTA	
211	Huỳnh An Khang		6A12	7A12	Cơ bản	
212	Nguyễn Hồng Vĩnh Khang		6A4	7A4	TCTA	
213	Nguyễn Minh Khang		6A5	7A5	TCTA	
214	Nguyễn Phú Khang		6A13	7A13	Cơ bản	
215	Nguyễn Phúc Khang		6A6	7A6	TCTA	
216	Nguyễn Trọng Bảo Khang		6A7	7A7	TCTA	
217	Nguyễn Võ Duy Khang		6A8	7A8	TCTA	
218	Phan Trung Khang		6A2	7A2	TCTA	
219	Trần Nguyên Khang		6A9	7A9	Cơ bản	
220	Trần Nguyễn Duy Khang		6A10	7A10	Cơ bản	
221	Trần Vũ Khang		6A11	7A11	Cơ bản	
222	Trịnh Phan Minh Khang		6A3	7A3	TCTA	
223	Vương Đình Khang		6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
224	Nguyễn Đặng Gia Khanh	x	6A1	7A1	Tích hợp	
225	Nguyễn Hoàng Khanh	x	6A10	7A10	Cơ bản	
226	Phan Ngọc Bảo Khanh	x	6A9	7A9	Cơ bản	
227	Thắm Hoàng Thụy Khanh	x	6A10	7A10	Cơ bản	
228	Trần Hoàng Thụy Khanh	x	6A11	7A11	Cơ bản	
229	Đào Gia Khánh		6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
230	Huỳnh Minh Khánh		6A4	7A4	TCTA	
231	Nguyễn Châu Ngân Khánh	x	6A2	7A2	TCTA	
232	Nguyễn Ngọc Minh Khánh	x	6A12	7A12	Cơ bản	
233	Trần Minh Khánh	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
234	Nguyễn Gia Khiêm		6A5	7A5	TCTA	
235	Đào Xuân Khoa		6A6	7A6	TCTA	
236	Đỗ Nguyễn Tường Khoa		6A12	7A12	Cơ bản	
237	Đỗ Trần Đăng Khoa		6A7	7A7	TCTA	
238	Hoàng Dương Khoa		6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
239	Khổng Minh Khoa		6A8	7A2	TCTA	
240	Nguyễn An Khoa		6A1	7A1	Tích hợp	
241	Nguyễn Đăng Khoa		Chuyển đến	7A4	TCTA	
242	Nguyễn Hoàng Anh Khoa		6A11	7A8	TCTA	
243	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa		6A1	7A1	Tích hợp	
244	Nguyễn Minh Khoa		6A9	7A9	Cơ bản	
245	Trần Đặng Đăng Khoa		6A8	7A8	TCTA	
246	Trần Trọng Khoa		6A10	7A10	Cơ bản	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
247	Võ Đăng Khoa		6A11	7A11	Cơ bản	
248	Ngô Anh Khôi		6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
249	Nguyễn Minh Khôi		6A12	7A12	Cơ bản	
250	Trần Đình Anh Khôi		6A13	7A13	Cơ bản	
251	Trần Lê Anh Khôi		6A3	7A3	TCTA	
252	Võ Minh Khôi		6A2	7A2	TCTA	
253	Nguyễn Ngọc Quỳnh Lam	x	6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
254	Trần Đăng Hải Lam		6A1	7A1	Tích hợp	
255	Trần Nhật Lam	x	6A3	7A3	TCTA	
256	Mai Phong Lan	x	6A13	7A13	Cơ bản	
257	Phạm Nguyễn Phương Lan	x	6A13	7A13	Cơ bản	
258	Dương Vũ Lâm		6A6	7A6	TCTA	
259	Nguyễn Đăng Lâm		6A2	7A2	TCTA	
260	Phạm Hoàng Lâm		6P2	7A11	Cơ bản	
261	Lê Trần Hữu Lập		6A8	7A8	TCTA	
262	Phan Lập		6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
263	Hoàng Trần Phương Linh	x	6A9	7A9	Cơ bản	
264	Nguyễn Hoàng Linh	x	6A11	7A11	Cơ bản	
265	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	x	6A10	7A10	Cơ bản	
266	Nguyễn Hoàng Phương Linh	x	6A5	7A5	TCTA	
267	Nguyễn Ngô Thảo Linh	x	6A4	7A4	TCTA	
268	Nguyễn Trần Khánh Linh	x	6A5	7A5	TCTA	
269	Nguyễn Trương Uyên Linh	x	6A11	7A11	Cơ bản	
270	Nguyễn Uyên Linh	x	6A6	7A6	TCTA	
271	Tổng Vũ Kiều Linh	x	6A7	7A7	TCTA	
272	Trần Bùi Gia Linh	x	Chuyển đến	7A1	Tích hợp	
273	Trần Phương Linh	x	6A8	7A8	TCTA	
274	Vũ Khánh Linh	x	6A2	7A2	TCTA	
275	Nguyễn Minh Long		6A3	7A3	TCTA	
276	Nguyễn Thế Bảo Long		6A7	7A7	TCTA	
277	Tạ Hải Luân		6A1	7A1	Tích hợp	
278	Trương Anh Luân		6A10	7A10	Cơ bản	
279	Phạm Hoàng Khánh Ly	x	6A12	7A12	Cơ bản	
280	Phạm Hoàng Sa Ly	x	6A9	7A9	Cơ bản	
281	Hồ Lê Tuyết Mai	x	6A13	7A13	Cơ bản	
282	Huỳnh Nguyễn Hoàng Mai	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
283	Nguyễn Ngọc Mai	x	6A13	7A13	Cơ bản	
284	Võ Ánh Sao Mai	x	6A3	7A3	TCTA	
285	Lê Đình Mạnh		6A11	7A11	Cơ bản	
286	Nguyễn Phan Minh Mẫn		6A4	7A4	TCTA	
287	Đinh Hồng Hà Mi	x	6A1	7A1	Tích hợp	
288	Nguyễn Đoàn Đông Mi	x	6A13	7A13	Cơ bản	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
289	Cao Ngọc Phú Minh	x	6A4	7A4	TCTA	
290	Hà Nhật Minh		6A12	7A12	Cơ bản	
291	Hoàng Bùi Anh Minh		6A13	7A13	Cơ bản	
292	Nguyễn Bảo Minh		6A9	7A9	Cơ bản	
293	Nguyễn Hoàng Minh		6A5	7A5	TCTA	
294	Nguyễn Văn Quang Minh		6A10	7A10	Cơ bản	
295	Phạm Vũ Đức Minh		6A6	7A6	TCTA	
296	Phan Đức Minh		6A7	7A7	TCTA	
297	Phùng Lê Minh		6A12	7A12	Cơ bản	
298	Trần Quang Minh		6P2	7A11	Cơ bản	
299	Trần Quang Minh		6A8	7A8	TCTA	
300	Võ Khải Minh		6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
301	Vũ Nguyễn Tuấn Minh		6A3	7A3	TCTA	
302	Đặng Trà My	x	6A9	7A9	Cơ bản	
303	Đỗ Trà My	x	6A5	7A5	TCTA	
304	Lê Nhật Trúc My	x	6A4	7A4	TCTA	
305	Nguyễn Lê Khởi My	x	6A6	7A6	TCTA	
306	Nguyễn Nữ Trà My	x	6A7	7A7	TCTA	
307	Nguyễn Thị Thảo My	x	6A10	7A10	Cơ bản	
308	Nguyễn Trần Diễm My	x	6A11	7A11	Cơ bản	
309	Trần Lê Hải My	x	6A12	7A12	Cơ bản	
310	Trần Quỳnh Diễm My	x	Chuyển đến	7A6	TCTA	
311	Ngô Hoàng Kim Mỹ	x	6A13	7A13	Cơ bản	
312	Cao Thanh Nam		6A13	7A13	Cơ bản	
313	Đình Hoàng Nam		6A9	7A9	Cơ bản	
314	Hà Bảo Nam		6A3	7A3	TCTA	
315	Hồ Bảo Nam		6A10	7A10	Cơ bản	
316	Nguyễn Hoài Nam		6A11	7A11	Cơ bản	
317	Nguyễn Quốc Nam		6A12	7A12	Cơ bản	
318	Lê Nguyễn Thy Nga	x	6A8	7A8	TCTA	
319	Lê Thị Tuyết Nga	x	6A9	7A9	Cơ bản	
320	Lâm Bảo Ngân	x	6A10	7A10	Cơ bản	
321	Nguyễn Ngô Vạn Gia Ngân	x	6A11	7A11	Cơ bản	
322	Nguyễn Thị Kim Ngân	x	6A2	7A2	TCTA	
323	Đỗ Phương Nghi	x	6A12	7A12	Cơ bản	
324	Hoàng Ngọc Chương Nghi	x	Chuyển đến	7A4	TCTA	
325	Lại Quỳnh Nghi	x	6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
326	Lương Vĩnh Nghi		6A4	7A4	TCTA	
327	Nguyễn Phạm Gia Nghi	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
328	Thái Đông Nghi	x	6A3	7A3	TCTA	
329	Trần Tống Thục Nghi	x	6A4	7A4	TCTA	
330	Vũ Hoàng Bảo Nghi	x	6A5	7A5	TCTA	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
331	Lê Hữu Nghị		6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
332	Đỗ Việt Trung Nghĩa		6A5	7A5	TCTA	
333	Lã Minh Nghĩa		6A11	7A11	Cơ bản	
334	Nguyễn Thành Trí Nghĩa		6A6	7A6	TCTA	
335	Trần Hiếu Nghĩa		6A13	7A13	Cơ bản	
336	Huỳnh Bảo Ngọc	x	6A6	7A6	TCTA	
337	Nguyễn Hoàng Như Ngọc	x	6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
338	Nguyễn Hồng Ngọc	x	6A13	7A13	Cơ bản	
339	Nguyễn Trương Như Ngọc	x	6A7	7A7	TCTA	
340	Trần Bảo Ngọc	x	6A8	7A8	TCTA	
341	Trần Võ Minh Ngọc		6A5	7A5	TCTA	
342	Trương Bảo Ngọc	x	6A9	7A9	Cơ bản	
343	Vũ Nguyễn Bảo Ngọc	x	6A10	7A10	Cơ bản	
344	Đình Phúc Nguyên		6A2	7A2	TCTA	
345	Hoàng Quốc Nguyên		6A3	7A3	TCTA	
346	Huỳnh Nguyên	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
347	Huỳnh Nguyễn Khôi Nguyên		6A9	7A9	Cơ bản	
348	Mai Chí Nguyên		6A8	7A8	TCTA	
349	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	x	6A3	7A3	TCTA	
350	Phạm Khôi Nguyên		6A10	7A10	Cơ bản	
351	Trần Nguyễn Khôi Nguyên		6A4	7A4	TCTA	
352	Trần Thảo Nguyên	x	6A4	7A4	TCTA	
353	Trần Võ Thảo Nguyên	x	6A5	7A5	TCTA	
354	Võ Công Nguyên		6A11	7A11	Cơ bản	
355	Vũ Hạnh Nguyên	x	6A2	7A2	TCTA	
356	Nguyễn Thanh Nhân	x	6A11	7A11	Cơ bản	
357	Đặng Chí Nhân		6A5	7A5	TCTA	
358	Nguyễn Thiện Nhân		6A12	7A12	Cơ bản	
359	Trần Nguyễn Thành Nhân		6A13	7A13	Cơ bản	
360	Võ Thiện Nhân		6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
361	Đặng Minh Nhật		6A9	7A9	Cơ bản	
362	Dương Ngọc Thảo Nhi	x	6A12	7A12	Cơ bản	
363	Đặng Võ Khánh Nhi	x	6A1	7A1	Tích hợp	
364	Đoàn Hoàng Yến Nhi	x	6A1	7A1	Tích hợp	
365	Đỗ Tâm Nhi	x	6A6	7A6	TCTA	
366	Đỗ Thảo Nhi	x	6A9	7A9	Cơ bản	
367	Mai Nhi	x	6A13	7A13	Cơ bản	
368	Nguyễn Châu Tịnh Nhi	x	6A7	7A7	TCTA	
369	Nguyễn Hoàng Bảo Nhi	x	6A8	7A8	TCTA	
370	Phạm Ái Thiên Nhi	x	6A2	7A2	TCTA	
371	Phạm Nguyễn Gia Nhi	x	6A10	7A10	Cơ bản	
372	Trần Bảo Nhi	x	6A11	7A11	Cơ bản	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
373	Trương Thảo Nhi	x	6A12	7A12	Cơ bản	
374	Đoàn Bảo Như	x	6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
375	Mai Khánh Như	x	6A3	7A3	TCTA	
376	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	x	6A4	7A4	TCTA	
377	Nguyễn Võ Minh Như	x	6A13	7A13	Cơ bản	
378	Phạm Lê Thảo Như	x	6A5	7A5	TCTA	
379	Phạm Trần Huỳnh Như	x	6A9	7A9	Cơ bản	
380	Trần Ngọc Quỳnh Như	x	6A6	7A6	TCTA	
381	Trần Tâm Như	x	6A7	7A7	TCTA	
382	Đỗ Hoàng Phát		6A3	7A3	TCTA	
383	Nguyễn Hữu Phát		6A11	7A11	Cơ bản	
384	Nguyễn Mạnh Phát		6A6	7A6	TCTA	
385	Phạm Hoàng Gia Phát		6A12	7A12	Cơ bản	
386	Võ Minh Phát		6A13	7A13	Cơ bản	
387	Lê Nam Phong		6A5	7A5	TCTA	
388	Nguyễn Chấn Phong		6A9	7A9	Cơ bản	
389	Nguyễn Xuân Phong		6A7	7A7	TCTA	
390	Võ Gia Phong		6A8	7A8	TCTA	
391	Cao Huỳnh Sỹ Phú		6A7	7A7	TCTA	
392	Đinh Đại Phú		6A10	7A10	Cơ bản	
393	Huỳnh Ngô Gia Phú		6A2	7A2	TCTA	
394	Lê Khang Phú		6A1	7A1	Tích hợp	
395	Nguyễn Gia Phú		6A3	7A3	TCTA	
396	Nguyễn Minh Phú		Chuyển đến	7A5	TCTA	
397	Phan Gia Phú		6A11	7A11	Cơ bản	
398	Bùi Hồng Phúc		6A1	7A1	Tích hợp	
399	Đặng Minh Phúc		6A1	7A1	Tích hợp	
400	Mai Hoàng Phúc		6A12	7A12	Cơ bản	
401	Nguyễn Đặng Trường Phúc		6A5	7A5	TCTA	
402	Nguyễn Minh Nguyên Phúc		6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
403	Nguyễn Minh Thiên Phúc		6A6	7A6	TCTA	
404	Nguyễn Thành Minh Phúc		6A7	7A7	TCTA	
405	Nguyễn Thiên Phúc		6A8	7A8	TCTA	
406	Trần Đặng Gia Phúc		6A2	7A2	TCTA	
407	Trần Gia Phúc		6A13	7A13	Cơ bản	
408	Trần Minh Phúc		6A3	7A3	TCTA	
409	Võ Hoàng Phúc		6A4	7A4	TCTA	
410	Bùi Nguyễn Gia Phước		6A9	7A9	Cơ bản	
411	Mai Dương Khánh Phương		6A10	7A10	Cơ bản	
412	Ngô Minh Phương	x	6A3	7A3	TCTA	
413	Nguyễn Phạm Quỳnh Phươn	x	6A4	7A4	TCTA	
414	Nguyễn Trịnh Hà Phương	x	6A9	7A9	Cơ bản	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
415	Phạm Mai Phương	x	6A8	7A8	TCTA	
416	Thái Dương Khánh Phương	x	6A5	7A5	TCTA	
417	Trần Hà Phương	x	6A10	7A10	Cơ bản	
418	Trần Hoàng Huyền Phương	x	6A11	7A11	Cơ bản	
419	Trần Minh Phương	x	6A2	7A2	TCTA	
420	Trần Võ Thị Minh Phương	x	6A5	7A5	TCTA	
421	Lê Đình Quang		6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
422	Nguyễn Vũ Quang		6A7	7A7	TCTA	
423	Vũ Như Thiên Quang		6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
424	Bùi Hoàng Minh Quân		6A11	7A11	Cơ bản	
425	Bùi Minh Quân		6A5	7A5	TCTA	
426	Dương Hoàng Quân		6A4	7A4	TCTA	
427	Đỗ Trần Minh Quân		6A12	7A12	Cơ bản	
428	Mai Vũ Quân		6A6	7A6	TCTA	
429	Ngô Anh Quân		6A10	7A10	Cơ bản	
430	Ngô Nguyễn Minh Quân		6A9	7A9	Cơ bản	
431	Nguyễn Hoàng Quân		6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
432	Nguyễn Ngọc Minh Quân		6A8	7A8	TCTA	
433	Phạm Hoàng Quân		6A5	7A5	TCTA	
434	Phan Lý Quân		6A10	7A10	Cơ bản	
435	Trần Anh Minh Quân		6A3	7A3	TCTA	
436	Vũ Minh Quân		6A4	7A4	TCTA	
437	Hồng Kiến Quốc		6A5	7A5	TCTA	
438	Trần Minh Quốc		6A6	7A6	TCTA	
439	Bùi Anh Quyền		6A11	7A11	Cơ bản	
440	Phạm Nguyễn Tuấn Quyền		Chuyển đến	7A7	TCTA	
441	Chu Ngọc Thảo Quỳnh	x	6A7	7A7	TCTA	
442	Đỗ Ngọc Diễm Quỳnh	x	6A13	7A13	Cơ bản	
443	Lê Nguyễn Khánh Quỳnh	x	6A8	7A8	TCTA	
444	Nguyễn Vũ Ngân Quỳnh	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
445	Nguyễn Vũ Phương Quỳnh	x	6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
446	Võ Như Quỳnh	x	6A2	7A2	TCTA	
447	Nguyễn Hoàng Sa	x	6A3	7A3	TCTA	
448	Trần Chí Sang		6A7	7A7	TCTA	
449	Nguyễn Công Sơn		6A12	7A12	Cơ bản	
450	Phạm Hồng Sơn		6A13	7A13	Cơ bản	
451	Lê Trọng Tài		6A8	7A8	TCTA	
452	Phạm Thành Tài		6A5	7A5	TCTA	
453	Văn Võ Toàn Tài		6A9	7A9	Cơ bản	
454	Hoàng Minh Tâm		6A2	7A2	TCTA	
455	Phạm Bùi Phúc Tâm		6A3	7A3	TCTA	
456	Phan Chí Tâm		6A9	7A9	Cơ bản	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
457	Trương Hoàng Minh Tâm		6A4	7A4	TCTA	
458	Nguyễn Ngọc Thanh Tân	x	6A4	7A4	TCTA	
459	Huỳnh Ngọc Thủy Tiên	x	6A12	7A12	Cơ bản	
460	Tô Đăng Tiến		6A10	7A10	Cơ bản	
461	Lê Trung Tín		6A5	7A5	TCTA	
462	Nguyễn Quốc Tín		6A11	7A11	Cơ bản	
463	Nguyễn Văn Tính		6A12	7A12	Cơ bản	
464	Mai Nguyễn Khánh Toàn		6A13	7A13	Cơ bản	
465	Nguyễn Khánh Toàn		6A9	7A9	Cơ bản	
466	Lâm Khả Tú	x	6A3	7A3	TCTA	
467	Lê Song Tú	x	6A5	7A5	TCTA	
468	Phạm Đình Tuấn Tú		6A6	7A6	TCTA	
469	Trần Minh Thanh Tú		6A7	7A7	TCTA	
470	Đặng Trần Mạnh Tuấn		6A8	7A8	TCTA	
471	Trần Hoàng Anh Tuấn		6A10	7A10	Cơ bản	
472	Trần Văn Tuấn		6A10	7A10	Cơ bản	
473	Trương Thanh Tuấn		6A7	7A7	TCTA	
474	Vũ Anh Tuấn		6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
475	Võ Trần Tuyết Tùng	x	6A11	7A11	Cơ bản	
476	Lê Cát Tường	x	6A6	7A6	TCTA	
477	Ngô Kim Cát Tường	x	6A9	7A9	Cơ bản	
478	Nguyễn Minh Tường		6A2	7A2	TCTA	
479	Đinh Mộc Thanh	x	6A7	7A7	TCTA	
480	Lê Thị Mai Thanh	x	6A8	7A8	TCTA	
481	Nguyễn Mai Mỹ Thanh	x	6A10	7A10	Cơ bản	
482	Lâm Kim Thành		6A11	7A11	Cơ bản	
483	Nguyễn Chí Thành		6A4	7A4	TCTA	
484	Nguyễn Hữu Nhật Thành		6A5	7A5	TCTA	
485	Bùi Phương Thảo	x	6A11	7A11	Cơ bản	
486	Đặng Hoàng Minh Thảo	x	6A1	7A1	Tích hợp	
487	Hồ Ngọc Thảo	x	6A12	7A12	Cơ bản	
488	Phan Ngọc Phương Thảo	x	6A2	7A2	TCTA	
489	Trần Ngọc Thảo	x	6A12	7A12	Cơ bản	
490	Lê Cao Đan Thắng		6A12	7A12	Cơ bản	
491	Nguyễn Phan Khánh Thi	x	6A3	7A3	TCTA	
492	Nguyễn Trung Nhật Thiên		6A6	7A6	TCTA	
493	Phạm Hào Thiên		6A12	7A12	Cơ bản	
494	Giang Lê Đức Thiện		6A9	7A9	Cơ bản	
495	Bạch Ngô Phú Thịnh		6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
496	Nguyễn Gia Thịnh		6A1	7A1	Tích hợp	
497	Phạm Công Thịnh		6A6	7A6	TCTA	
498	Phạm Tiến Thịnh		6A10	7A10	Cơ bản	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
499	Tào Phúc Thịnh		6A13	7A13	Cơ bản	
500	Vũ Tuấn Thịnh		6A7	7A7	TCTA	
501	Đỗ Đoàn Quang Thuận		6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
502	Nguyễn Thị Ngọc Thùy	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
503	Liv Ngọc Thủy	x	6A13	7A13	Cơ bản	
504	Bùi Minh Thư	x	6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
505	Hoàng Mai Anh Thư	x	6A4	7A4	TCTA	
506	Hoàng Nguyễn Anh Thư	x	6A5	7A5	TCTA	
507	Lê Minh Thư	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
508	Lê Trần Anh Thư	x	6A6	7A6	TCTA	
509	Nguyễn Anh Thư	x	6A9	7A9	Cơ bản	
510	Nguyễn Ngọc Anh Thư	x	6A10	7A10	Cơ bản	
511	Nguyễn Thị Minh Thư	x	6A7	7A7	TCTA	
512	Trần Dương Minh Thư	x	6A1	7A1	Tích hợp	
513	Lương Thị Hoài Thương	x	6A8	7A8	TCTA	
514	Nguyễn Thụy Minh Thương	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
515	Đinh Bảo Thy	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
516	Lê Bảo Thy	x	6A2	7A2	TCTA	
517	Trần Lê Quỳnh Thy	x	6A11	7A11	Cơ bản	
518	Lê Bảo Trang	x	6A6	7A6	TCTA	
519	Nguyễn Đoàn Phương Trang	x	6A12	7A12	Cơ bản	
520	Nguyễn Ngọc Trang	x	6A4	7A4	TCTA	
521	Nguyễn Ngọc Phương Trang	x	6A5	7A5	TCTA	
522	Nguyễn Phạm Huyền Trang	x	6A6	7A6	TCTA	
523	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	x	6A13	7A13	Cơ bản	
524	Dương Huyền Trân	x	6A9	7A9	Cơ bản	
525	Lê Bảo Trân	x	6A10	7A10	Cơ bản	
526	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	x	6A8	7A8	TCTA	
527	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	x	6A1	7A1	Tích hợp	
528	Phạm Ngọc Bảo Trân	x	6A11	7A11	Cơ bản	
529	Trần Ngọc Bảo Trân	x	6A3	7A3	TCTA	
530	Mai Minh Trí		6A11	7A11	Cơ bản	
531	Nguyễn Minh Trí		6A12	7A12	Cơ bản	
532	Trần Ngọc Bảo Trí		6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
533	Trần Sỹ Đức Trí		6A1	7A1	Tích hợp	
534	Bùi Đặng Phương Triết	x	6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
535	Lê Quý Trọng		6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
536	Nguyễn Cao Trọng		6A8	7A8	TCTA	
537	Vũ Đức Trọng		6A2	7A2	TCTA	
538	Đặng Phạm Nhã Trúc	x	6A12	7A2	TCTA	
539	Lê Nguyễn Bích Trúc	x	6A7	7A7	TCTA	
540	Mai Thư Trúc	x	6A8	7A8	TCTA	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
541	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	x	6A8	7A8	TCTA	
542	Nguyễn Thanh Trúc	x	6A2	7A2	TCTA	
543	Nguyễn Thanh Trúc	x	6A3	7A3	TCTA	
544	Trần Thanh Trúc	x	6A4	7A4	TCTA	
545	Trương Diễm Trúc	x	6A10	7A10	Cơ bản	
546	Trương Lê Bảo Trúc	x	6A5	7A5	TCTA	
547	Đặng Chí Trung		6A3	7A3	TCTA	
548	Hoàng Thiên Trung		6A6	7A6	TCTA	
549	Nguyễn Hoàng Trung		6A13	7A13	Cơ bản	
550	Nguyễn Minh Trung		6A4	7A4	TCTA	
551	Trịnh Đức Trung		6A5	7A5	TCTA	
552	Lê Minh Trường		6A6	7A6	TCTA	
553	Lê Trần Hoàng Uy		6P2	7P2	Song ngữ Pháp	
554	Cao Ngọc Bảo Uyên	x	6A7	7A7	TCTA	
555	Hoàng Nhã Uyên	x	6A6	7A6	TCTA	
556	Lê Thái Nhã Uyên	x	6A7	7A7	TCTA	
557	Nguyễn Lê Ngọc Uyên	x	6A8	7A8	TCTA	
558	Nguyễn Phương Uyên	x	6A2	7A2	TCTA	
559	Phạm Đỗ Gia Uyên	x	6A13	7A13	Cơ bản	
560	Tạ Ngọc Phương Uyên	x	6A3	7A3	TCTA	
561	Vương Thị Phương Uyên	x	6A4	7A4	TCTA	
562	Nguyễn Hữu Văn		6A7	7A7	TCTA	
563	Trần Quốc Văn		6A8	7A8	TCTA	
564	Nguyễn Dương Khánh Vân	x	6A2	7A2	TCTA	
565	Nguyễn Tường Vân	x	6A9	7A9	Cơ bản	
566	Phạm Thảo Vân	x	6A10	7A10	Cơ bản	
567	Trần Hoàng Huyền Vi	x	6A11	7A11	Cơ bản	
568	Phan Tường Viên		6A7	7A7	TCTA	
569	Lâm Hòa Việt		6A9	7A9	Cơ bản	
570	Dương Quốc Vinh		6A10	7A10	Cơ bản	
571	Huỳnh Ngọc Thê Vinh		6A2	7A2	TCTA	
572	Phan Ngô Tuấn Vinh		6A11	7A11	Cơ bản	
573	Trần Hoàng Vinh		6A9	7A9	Cơ bản	
574	Nguyễn Ngọc Tuấn Vũ		6A12	7A12	Cơ bản	
575	Hà Ngọc Gia Vy	x	6A5	7A5	TCTA	
576	Hoàng Phương Vy	x	6A12	7A12	Cơ bản	
577	Huỳnh Ngọc Phương Vy	x	6P1	7P1	Song ngữ Pháp	
578	Huỳnh Trần Minh Vy	x	6A6	7A6	TCTA	
579	Hứa Phương Vy	x	6A13	7A13	Cơ bản	
580	Lê Hoàng Lê Vy	x	6A9	7A9	Cơ bản	
581	Nguyễn Dương Khánh Vy	x	6A2	7A2	TCTA	
582	Nguyễn Phạm Ngọc Vy	x	6A10	7A10	Cơ bản	

STT	Họ và tên	Nữ	Lớp cũ	Lớp mới	Loại hình	Ghi chú
583	Nguyễn Phương Vy	x	6A7	7A7	TCTA	
584	Nguyễn Thị Thúy Vy	x	6A11	7A11	Cơ bản	
585	Phạm Mai Thanh Vy	x	6A8	7A8	TCTA	
586	Trần Lê Minh Vy	x	6A2	7A2	TCTA	
587	Võ Xuân Vy	x	6A3	7A3	TCTA	
588	Vũ Ngọc Minh Vy	x	6A4	7A4	TCTA	
589	Phạm Thị Phương Vy	x	6A12	7A12	Cơ bản	
590	Luyện Đặng Như Ý	x	6A1	7A1	Tích hợp	
591	Mai Nguyễn Mỹ Ý	x	6A5	7A5	TCTA	
592	Nguyễn Lê Như Ý	x	6A13	7A13	Cơ bản	
593	Nguyễn Ngọc Như Ý	x	6A6	7A6	TCTA	
594	Võ Hoài Yên	x	6A7	7A7	TCTA	
595	Nguyễn Vũ Hoàng Yên	x	6A8	7A8	TCTA	